CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Nagakawa

Ngày 30/06/2025	13,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.2%	**3.8%**	**30.9%**

DT thuần
Q2/25
900
tỷ VNĐ
QoQ: ▼63.0| -6.5%
YoY: ▼168| -15.7%

LN thuần
Q2/25
16.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.40| -16.9%
YoY: ▲ 2.90| 20.8%

LN sau thuế
Q2/25
12.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.00| -7.0%
YoY: ▲ 1.40| 12.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.0%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE (TTM)
Q2/25
7.9%
YoY: +/-▲ 0.7%

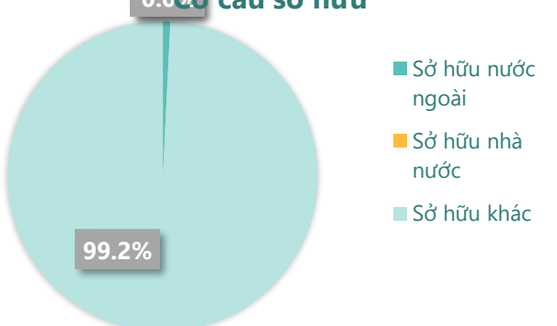
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,399 - 14,392
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	518
Số lượng CPLH (CP)	38,620,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	736,060
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.55
EPS	920
P/E	14.6

DT thuần
6T 2025
1,863
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 118| 6.8%

LN thuần
6T 2025
37.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.40| 25.2%

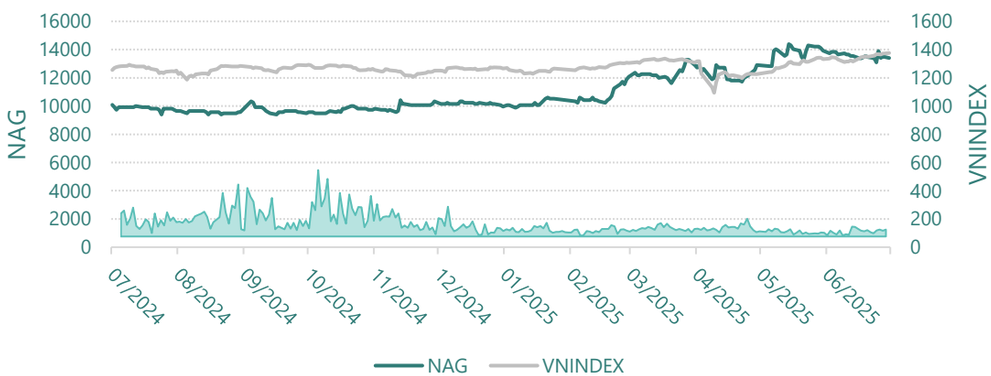
LN sau thuế
6T 2025
26.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.30| 9.6%

Cơ cấu sở hữu

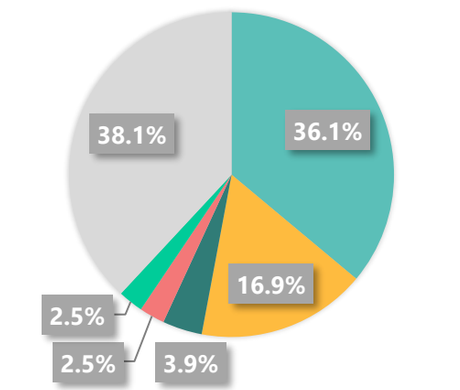


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



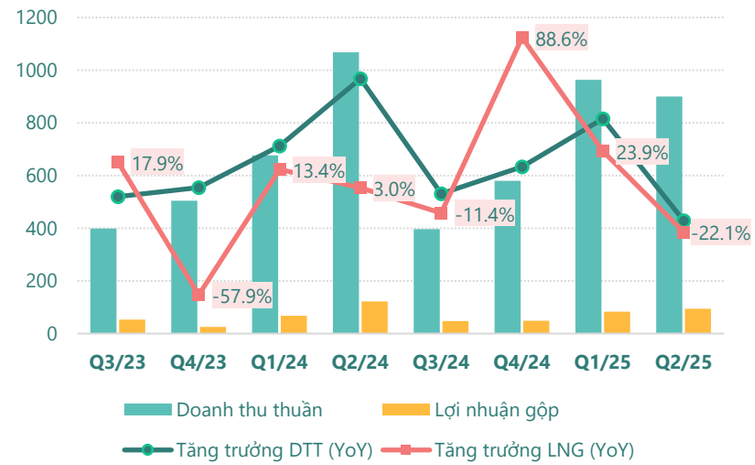
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

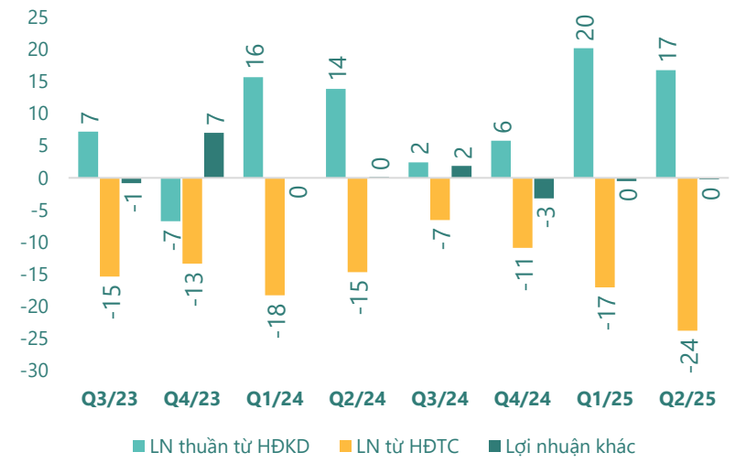
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



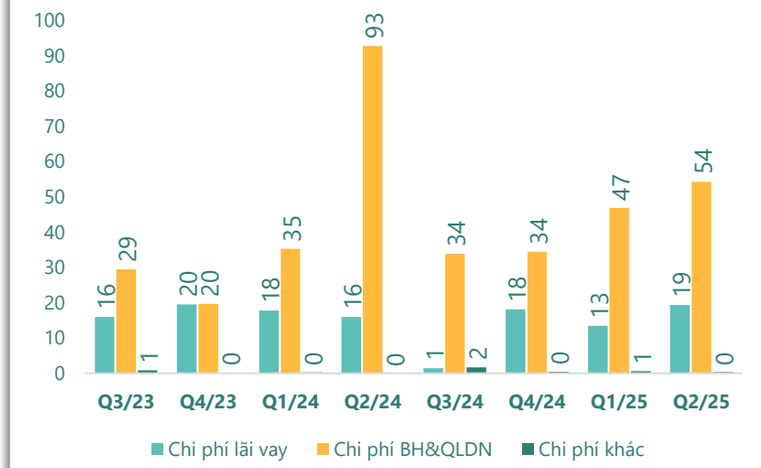
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



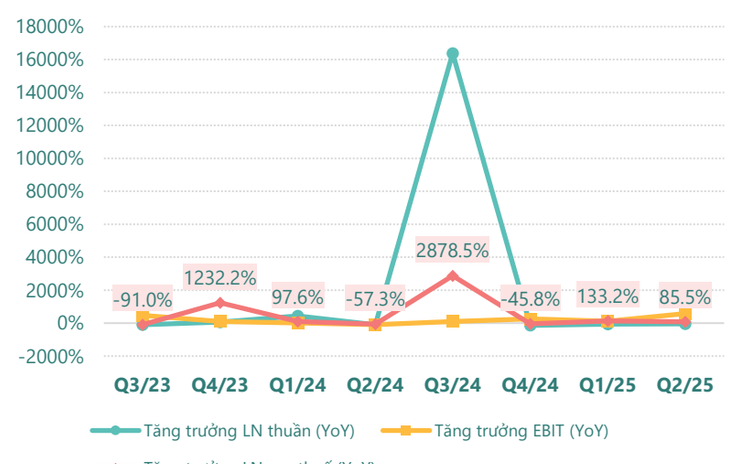
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



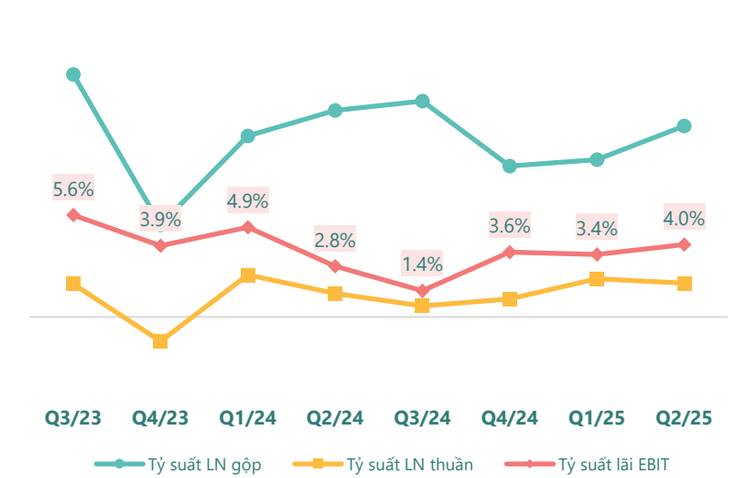
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



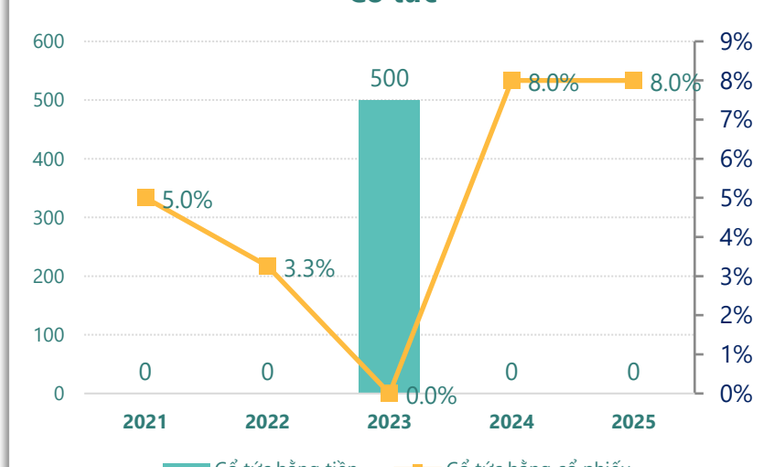
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

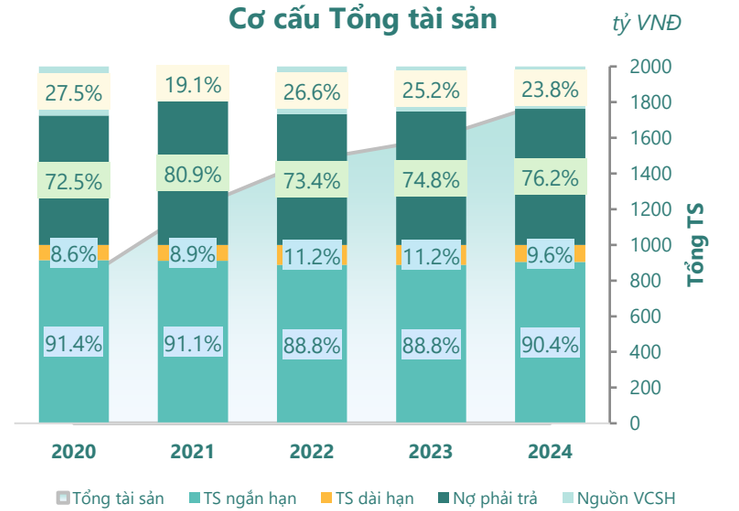
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

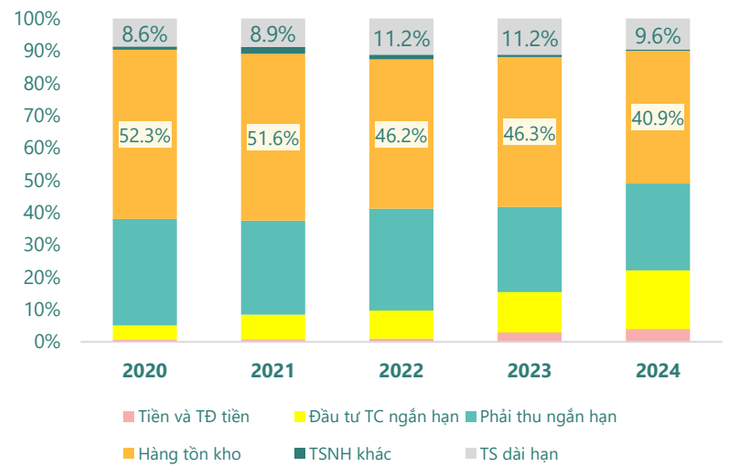
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



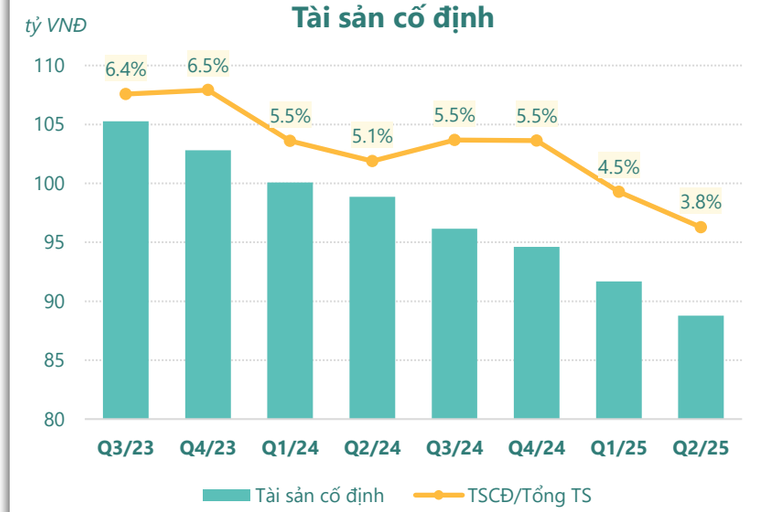
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



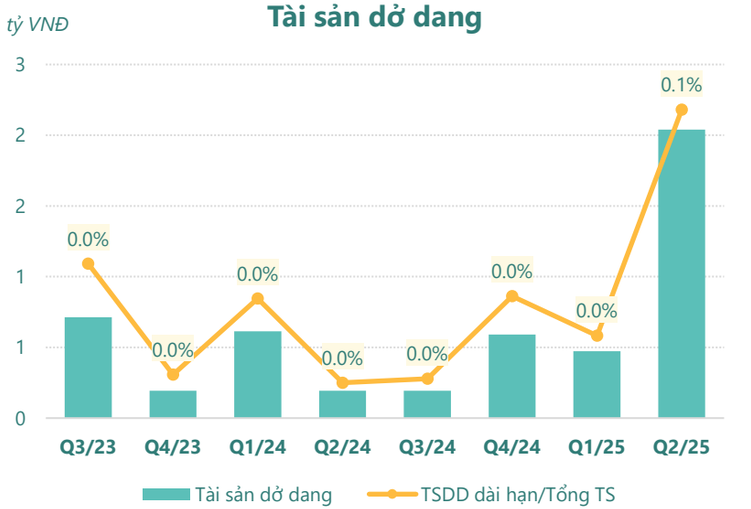
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



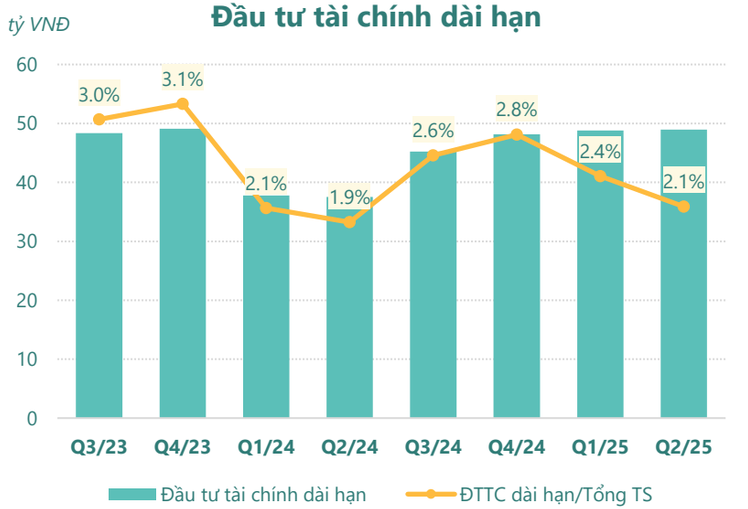
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



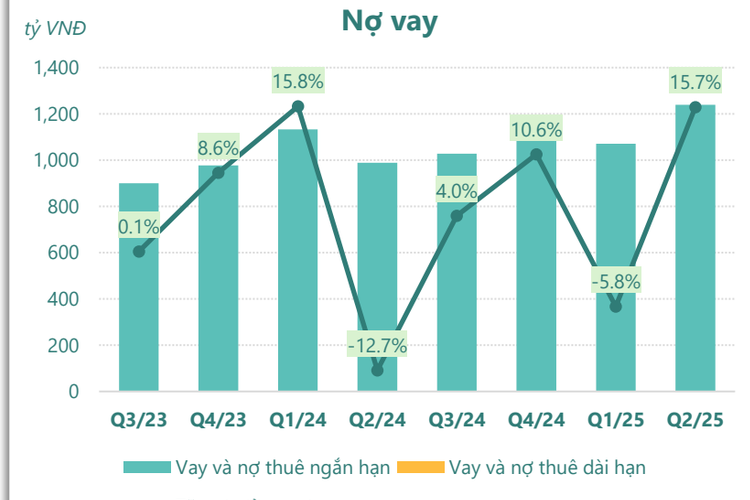
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

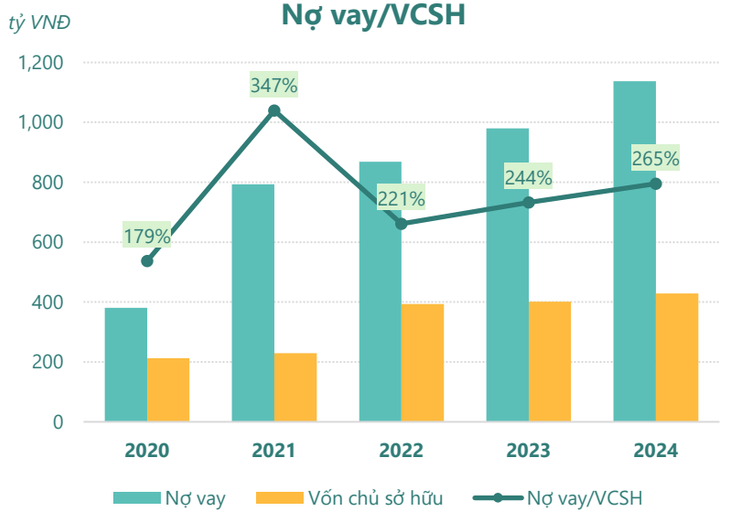
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

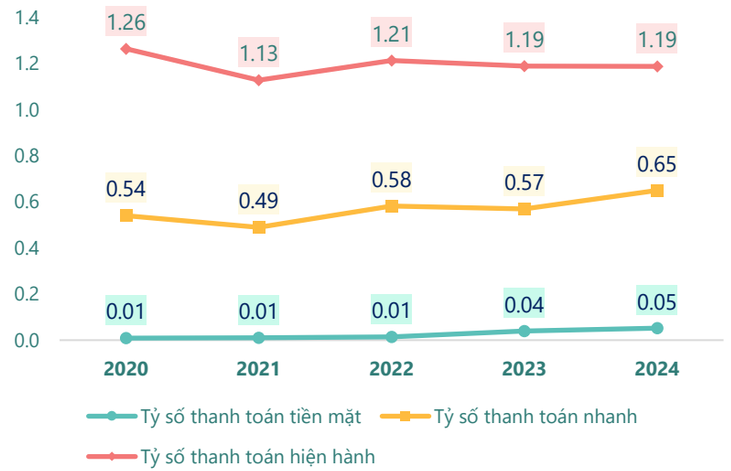
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



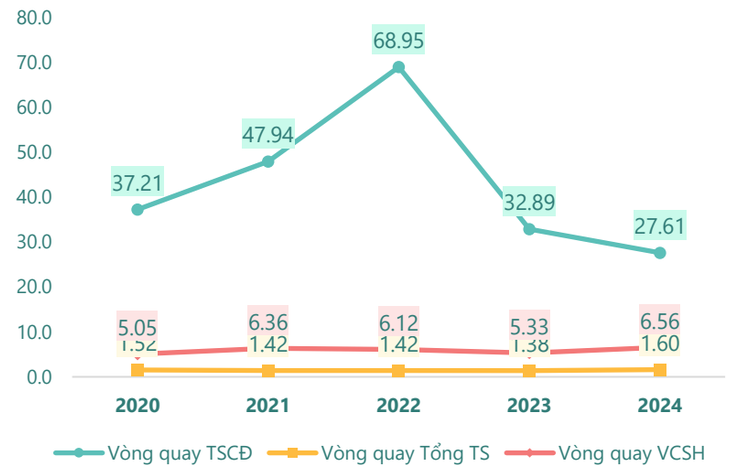
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



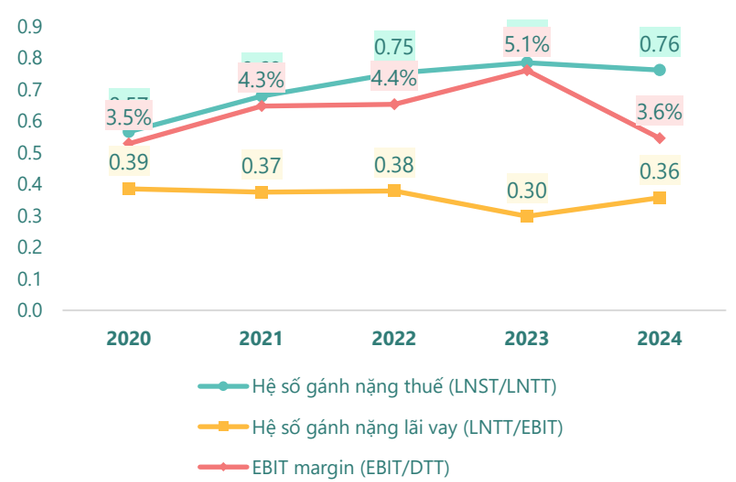
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



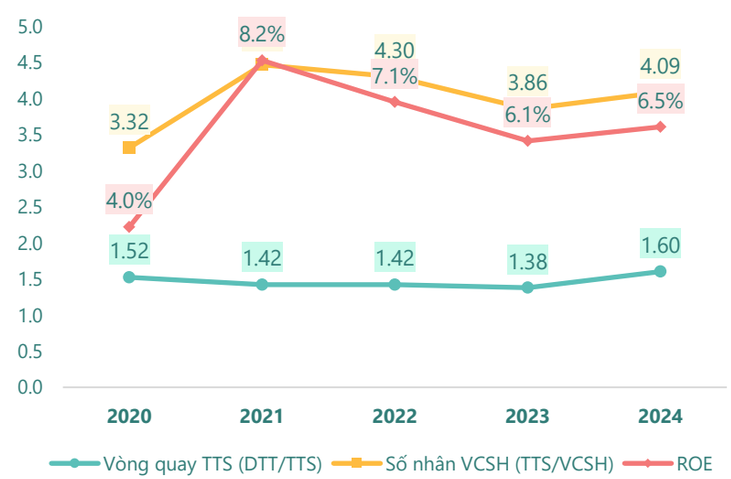
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



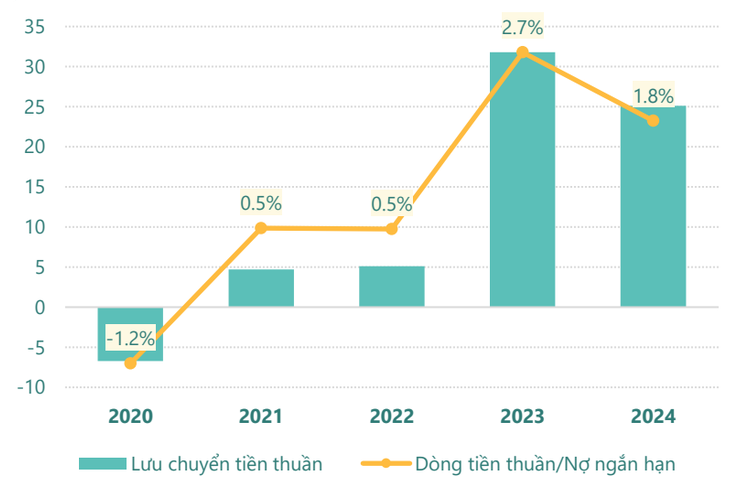
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**900**	**1,068**	**-15.7%**	**1,863**	**1,745**	**6.8%**
Giá vốn hàng bán	806	947	-14.9%	1,685	1,556	8.3%
Lợi nhuận gộp	94.7	122	-22.3%	178	189	-5.7%
Doanh thu HĐTC	5.24	6.56	-20.1%	6.64	10.3	-35.2%
Chi phí TC	29.1	21.3	36.5%	47.5	43.3	9.8%
Chi phí lãi vay	19.4	16.0	21.2%	32.9	33.8	-2.7%
LN trong công ty LKLD	**0.17**	**-0.23**	**173%**	**0.82**	**1.63**	**-49.9%**
Chi phí bán hàng	42.4	77.9	-45.6%	78.9	104	-24.4%
Chi phí QLDN	**11.9**	**14.9**	**-20.2%**	**22.3**	**23.6**	**-5.9%**
LN thuần từ HĐKD	16.8	13.9	20.8%	37.0	29.6	25.2%
Lợi nhuận khác	**-0.23**	**0.12**	**-296%**	**-0.73**	**0.04**	**-1812%**
LN trước thuế	16.6	14.0	18.2%	36.3	29.6	22.5%
Lợi nhuận sau thuế	**12.7**	**11.3**	**12.7%**	**26.4**	**24.1**	**9.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.5**	**9.46**	**43.0%**	**30.4**	**22.6**	**34.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-73.0	196	-96.3	-14.6	81.7	-135
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-61.8	-15.7	-8.18	10.0	-1.90	22.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	153	-144	39.5	109	-50.2	177
Tiền đầu kỳ	46.5	64.9	102	36.5	71.6	101
Lưu chuyển tiền thuần	**18.3**	**36.6**	**-65.0**	**105**	**29.6**	**65.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	64.9	102	36.5	141	101	167

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,338**	**1,805**	**29.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,169	1,632	32.9%
Tiền và tương đương tiền	161	71.6	124%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	310	327	-5.2%
Phải thu ngắn hạn	717	486	47.4%
Hàng tồn kho	965	739	30.6%
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	8.40	101%
Tài sản dài hạn	**169**	**173**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	2.35	2.17	8.5%
Tài sản cố định	88.8	94.4	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.04	0.19	952%
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	48.1	1.7%
Tài sản dài hạn khác	**8.30**	**8.00**	**3.7%**
Lợi thế thương mại	18.3	19.9	-8.2%
Nợ phải trả	1,867	1,376	35.6%
Nợ ngắn hạn	**1,865**	**1,375**	**35.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,240	1,137	9.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	551	182	203%
Nợ dài hạn	2.03	1.49	35.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**471**	**429**	**9.8%**
Vốn chủ sở hữu	**471**	**429**	**9.8%**
Vốn điều lệ	386	342	13.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)